TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 396/2019/DS-PT
Ngày: 02/11/2019
V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 02 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2019/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 390/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị L1, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị L2, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số A, ấp A, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà L2: Anh Nguyễn Lưu Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số B, phường M, thành phố L, tỉnh A (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Bà Phạm Thị L2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Lâm Thị L1 trình bày:**

Vào ngày 05/3/2016, bà L1 có cho bà L2 vay 32.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận, bà L2 hứa sẽ trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Từ khi vay đến nay bà L2 không trả tiền cho bà L1 như thỏa thuận. Nay bà L1 yêu cầu bà L2 trả tiền nợ vốn là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn bà Phạm Thị L2 trình bày:**

Bà L2 thừa nhận có nợ bà L1 số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) theo biên nhận ngày 05/3/2016, nhưng tiền này là tiền hụi, không phải tiền vay, bà đã trả cho bà L1 được 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng), chỉ còn nợ lại 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng), việc bà L2 trả tiền cho bà L1 18.000.000 đồng, bà L1 không có làm biên nhận cho bà L2. Nay, bà L2 chỉ đồng ý trả cho bà L1 số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2019/DS-ST ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện LV đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Thị L1 về việc yêu cầu chị Phạm Thị L2 trả 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Buộc chị Phạm Thị L2 trả cho chị Lâm Thị L1 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị L2 phải chịu 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Chị Lâm Thị L1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000109, ngày 05/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LV.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/8/2019, bà Phạm Thị L2 có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm xét xử buộc bà L2 trả cho chị Lẻ số tiền 32.000.000 đồng. Bà L2 cho rằng không vay 32.000.000 đồng của bà L1 mà chỉ nợ tiền hụi của bà L1 là 14.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà Lâm Thị L1 trình bày: Bà L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà L2 trả cho bà số tiền vay: 32.000.000 đồng, vì tiền này là tiền vay theo biên nhận ngày 05/3/2016, còn dây hụi ngày 10/10/2014 có 21 phần, bà L2 đã hốt hụi và đóng hụi 17 lần, còn nợ 3 triệu đồng, nên trong biên

bản giải quyết nợ của ấp, bà L2 còn nợ của bà L1 35.000.000 đồng, trong đó có 3 triệu tiền nợ hụi, còn lại 32.000.000 đồng là nợ vay.

+ Bị đơn bà Phạm Thị L2, ủy quyền cho anh Nguyễn Lưu Q trình bày: Bà L2 cho rằng số tiền 32.000.000 đồng là tiền hụi, không phải tiền vay, đồng thời trong số tiền này, bà L2 đã trả cho bà L1 được 18.000.000 đồng, nên chỉ còn nợ 14.000.000 đồng. Vì bà L2 cho bà tham gia 01 dây hụi 5.000.000 đồng, không nhớ rõ ngày tháng năm, cũng không nhớ rõ số tiền hốt hụi bao nhiêu, chỉ biết là bà L2 nợ bà L1 32.000.000 đồng, nên bà L1 cho bà L2 tham gia dây hụi 1.000.000 đồng/tháng ngày 10/10/2014 có 21 phần. Trong đó bà L2 tham gia 01 phần để trừ vào 32.000.000 đồng. Bà L2 đã đóng được 18 lần là 18.000.000 đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, bà L2 thừa nhận có nợ bà L1 số tiền 32.000.000 đồng, bà L2 cho rằng đã trả được cho bà L1 số tiền 18.000.000 đồng, nhưng không có bất cứ chứng cứ nào để chứng minh. Tại tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà L2 cho rằng bà L2 ký vào giấy nhận nợ ngày 05/3/2016, nhưng nợ này là nợ hụi và bà L2 đã trả được số tiền 18.000.000 đồng cho bà L1, nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh đã trả được 18.000.000 đồng, còn nợ 14.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bà L2 trả cho bà L1 số tiền 32.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hội đồng xét xử xét thấy: Bà L2 thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ ngày 05/3/2016 có nợ bà L1 số tiền 32.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà L2 cho rằng số tiền này là tiền hụi và bà đã trả được 18.000.000 đồng cho bà L1, chỉ còn nợ 14.000.000 đồng, nhưng bà L2 không xuất trình được giấy tờ cũng như các chứng cứ gì khác để chứng minh đã trả số tiền 18.000.000 đồng cho bà L1. Đối với bà L1 cũng không thừa nhận lời trình bày của bà L2. Do đó, căn cứ biên nhận nợ và lời thừa nhận của bà L2, có đủ cơ sở xác định bà L2 có nợ 32.000.000 đồng là có thật.

Do đó, xét kháng cáo của bà L2 cho rằng chỉ còn nợ bà L1 14.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L2, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét bản án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà L2 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị L2.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2019/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị L1 về việc yêu cầu bà Phạm Thị L2 trả số tiền vay là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

2. Buộc bà Phạm Thị L2 trả cho bà Lâm Thị L1 số tiền vay 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị L2 phải chịu 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lâm Thị L1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000109, ngày 05/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LV.

4. Án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị L2 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0006115 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, bà L2 không phải nộp thêm án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- TAND huyện LV;
- Chi cục THA DS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (H).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh